

Số: 371 /BC-QLĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2019

## BÁO CÁO

### Khảo sát lý do tân sinh viên chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019

Kính gửi: Ban Giám Hiệu

Phòng Quản lý Đào tạo báo cáo kết quả khảo sát lý do tân sinh viên đại học chính quy chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Trường) năm 2019 như sau:

#### 1. THÔNG TIN KHẢO SÁT

**1.1. ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT:** tân sinh viên hệ Đại học Chính quy khóa 2019.

- Tân sinh viên tuyển thẳng và phương thức xét tuyển học bạ thực hiện khảo sát trên trang: <http://hoso.ou.edu.vn/2019xt>
- Tân sinh viên trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi Trung Học Phổ Thông Quốc Gia (THPT Quốc gia) năm 2019 đợt 1 thực hiện khảo sát trên trang: <http://hoso.ou.edu.vn/2019>
- Tân sinh viên trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT Quốc gia năm 2019 đợt bổ sung thực hiện khảo sát trên trang: <http://hoso.ou.edu.vn/2019bs>

#### 1.2. QUY TRÌNH KHẢO SÁT

- Phòng Quản lý Đào tạo soạn thảo bảng câu hỏi gồm 3 phần.
- Tân sinh viên thực hiện trả lời bảng câu hỏi khảo sát lý do tân sinh viên chọn Trường năm 2019 trực tuyến trên hệ thống nhập học trực tuyến. Trung tâm Quản lý hệ thống thông tin xuất dữ liệu từ hệ thống nhập học trực tuyến gửi Phòng Quản lý Đào tạo.
- Phòng Quản lý Đào tạo lọc dữ liệu, xử lý dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo.
- Tổng số dữ liệu nhận được từ Trung tâm quản lý hệ thống thông tin: 3.857 sinh viên. Phòng Quản lý Đào tạo đã lọc bỏ những mẫu tin không hợp lệ (0 mẫu tin). Số mẫu tin đạt yêu cầu khảo sát: 3.857 mẫu tin chiếm tỷ lệ 100%.
  - Số lượng tân sinh viên chia theo đợt xét tuyển như sau:
    - + Sinh viên tuyển thẳng và phương thức xét tuyển học bạ: 507
    - + Sinh viên trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT Quốc gia năm 2019 đợt 1: 3.223
    - + Sinh viên trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT Quốc gia năm 2019 đợt bổ sung: 127

## 2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

### 2.1. THỐNG KÊ THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

Stt	Phương thức xét tuyển	Số lượng tân sinh viên Khóa 2019	Tỷ lệ (%)
1	Sinh viên tuyển thẳng và phương thức xét tuyển học bạ	507	13.14%
2	Sinh viên trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT Quốc gia năm 2019 đợt 1	3,223	83.56%
3	Sinh viên trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT Quốc gia năm 2019 đợt bổ sung	127	3.29%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>3,857</b>	<b>100%</b>

### 2.2. THỐNG KÊ THEO NGÀNH ĐÀO TẠO

Stt	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số lượng tân sinh viên Khóa 2019	Tỷ lệ (%)
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	385	9.98%
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	83	2.15%
3	7220209	Ngôn ngữ Nhật	156	4.04%
4	7310101	Kinh tế	231	5.99%
5	7310301	Xã hội học	128	3.32%
6	7310620	Đông Nam Á học	135	3.50%
7	7760101	Công tác xã hội	51	1.32%
8	7340101	Quản trị kinh doanh	425	11.02%
9	7340115	Marketing	113	2.93%
10	7340120	Kinh doanh quốc tế	126	3.27%
11	7340201	Tài chính - Ngân hàng	418	10.84%
12	7340301	Kế toán	297	7.70%
13	7340302	Kiểm toán	104	2.70%
14	7340404	Quản trị nhân lực	69	1.79%
15	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	122	3.16%
16	7380101	Luật	127	3.29%
17	7380107	Luật kinh tế	267	6.92%
18	7420201	Công nghệ sinh học	49	1.27%
19	7480101	Khoa học máy tính	141	3.66%
20	7480201	Công nghệ thông tin	236	6.12%
21	7510102	CNKT Công trình Xây dựng	103	2.67%
22	7580302	Quản lý xây dựng	91	2.36%
<b>Tổng cộng:</b>			<b>3,857</b>	<b>100%</b>

### 2.3. THỐNG KÊ THEO TỈNH/THÀNH PHỐ

Thống kê số lượng tân sinh viên làm khảo sát trực tuyến trên hệ thống nhập học trực tuyến của Trường theo Tỉnh/Thành phố (địa chỉ thường trú), cụ thể như sau:

Stt	Tỉnh/Thành phố	Số lượng tân sinh viên Khóa 2019	Tỷ lệ tân sinh viên (%)	Vùng	Miền
1	Thành Phố Hồ Chí Minh	1,245	32.28%	Đông Nam Bộ	Nam bộ
2	Tỉnh Đồng Nai	264	6.84%	Đông Nam Bộ	Nam bộ
3	Tỉnh Bình Định	182	4.72%	Nam Trung Bộ	Trung bộ
4	Tỉnh Lâm Đồng	147	3.81%	Tây Nguyên	Trung bộ
5	Tỉnh Đắk Lắk	145	3.76%	Tây Nguyên	Trung bộ
6	Tỉnh Bình Thuận	144	3.73%	Nam Trung Bộ	Trung bộ
7	Tỉnh Quảng Ngãi	127	3.29%	Nam Trung Bộ	Trung bộ
8	Tỉnh Gia Lai	127	3.29%	Tây Nguyên	Trung bộ
9	Tỉnh Long An	113	2.93%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
10	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	100	2.59%	Đông Nam Bộ	Nam bộ
11	Tỉnh Tiền Giang	96	2.49%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
12	Tỉnh An Giang	94	2.44%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
13	Tỉnh Bình Phước	89	2.31%	Đông Nam Bộ	Nam bộ
14	Tỉnh Tây Ninh	88	2.28%	Đông Nam Bộ	Nam bộ
15	Tỉnh Đồng Tháp	77	2.00%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
16	Tỉnh Phú Yên	74	1.92%	Nam Trung Bộ	Trung bộ
17	Tỉnh Bình Dương	69	1.79%	Đông Nam Bộ	Nam bộ
18	Tỉnh Bến Tre	63	1.63%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
19	Tỉnh Kiên Giang	62	1.61%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
20	Tỉnh Khánh Hòa	58	1.50%	Nam Trung Bộ	Trung bộ
21	Tỉnh Đắk Nông	53	1.37%	Tây Nguyên	Trung bộ
22	Tỉnh Ninh Thuận	49	1.27%	Nam Trung Bộ	Trung bộ
23	Tỉnh Quảng Nam	37	0.96%	Nam Trung Bộ	Trung bộ
24	Tỉnh Kon Tum	31	0.80%	Tây Nguyên	Trung bộ
25	Tỉnh Cà Mau	29	0.75%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
26	Tỉnh Bạc Liêu	26	0.67%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
27	Tỉnh Thừa Thiên Huế	26	0.67%	Bắc Trung Bộ	Trung bộ
28	Tỉnh Thanh Hóa	25	0.65%	Bắc Trung Bộ	Trung bộ

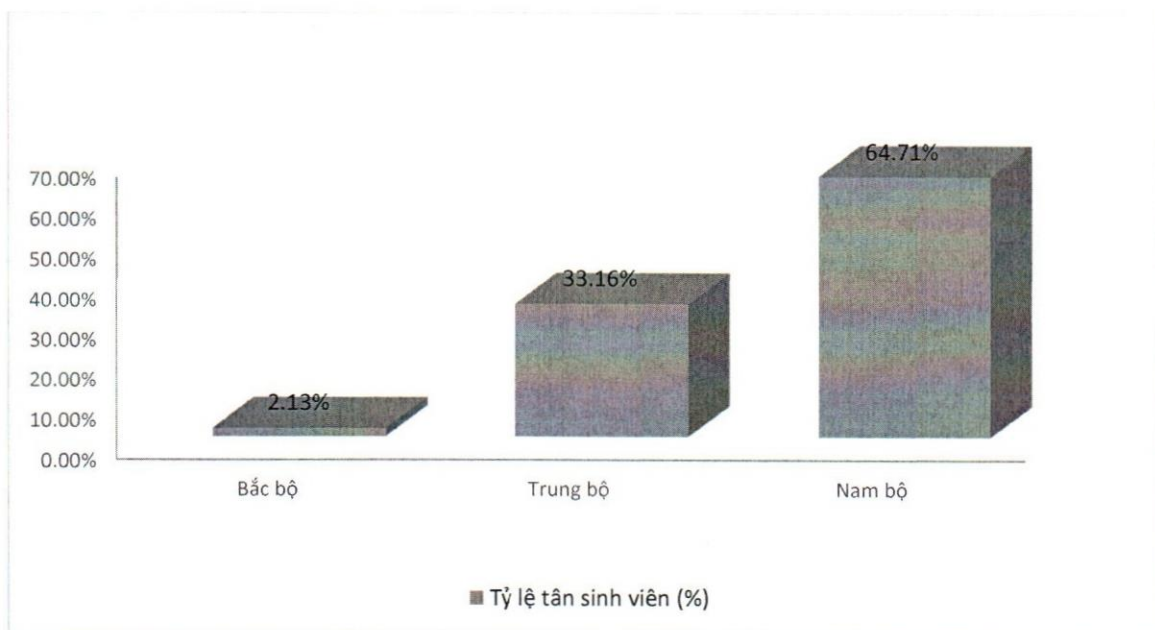
Stt	Tỉnh/Thành phố	Số lượng tân sinh viên Khóa 2019	Tỷ lệ tân sinh viên (%)	Vùng	Miền
29	Tỉnh Vĩnh Long	25	0.65%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
30	Tỉnh Trà Vinh	21	0.54%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
31	Tỉnh Quảng Trị	18	0.47%	Bắc Trung Bộ	Trung bộ
32	Tỉnh Sóc Trăng	16	0.41%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
33	Thành phố Cần Thơ	15	0.39%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
34	Thành Phố Hải Phòng	13	0.34%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
35	Tỉnh Nam Định	13	0.34%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
36	Tỉnh Thái Bình	11	0.29%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
37	Tỉnh Hà Tĩnh	10	0.26%	Bắc Trung Bộ	Trung bộ
38	Tỉnh Quảng Bình	10	0.26%	Bắc Trung Bộ	Trung bộ
39	Thành Phố Đà Nẵng	8	0.21%	Nam Trung Bộ	Trung bộ
40	Tỉnh Hà Nam	8	0.21%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
41	Tỉnh Nghệ An	8	0.21%	Bắc Trung Bộ	Trung bộ
42	Thành Phố Hà Nội	7	0.18%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
43	Tỉnh Ninh Bình	5	0.13%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
44	Tỉnh Vĩnh Phúc	4	0.10%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
45	Tỉnh Hải Dương	4	0.10%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
46	Tỉnh Hưng Yên	4	0.10%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
47	Tỉnh Hậu Giang	4	0.10%	Đồng bằng sông Cửu Long	Nam bộ
48	Tỉnh Bắc Giang	3	0.08%	Đông Bắc Bộ	Bắc bộ
49	Tỉnh Bắc Ninh	3	0.08%	Đồng bằng sông Hồng	Bắc bộ
50	Tỉnh Yên Bái	2	0.05%	Tây Bắc Bộ	Bắc bộ
51	Tỉnh Phú Thọ	2	0.05%	Đông Bắc Bộ	Bắc bộ
52	Tỉnh Quảng Ninh	2	0.05%	Đông Bắc Bộ	Bắc bộ
53	Tỉnh Thái Nguyên	1	0.03%	Đông Bắc Bộ	Bắc bộ
<b>Tổng cộng:</b>		<b>3,857</b>	<b>100%</b>		

Tân sinh viên Khóa 2019 của Trường có địa chỉ thường trú tại Thành Phố Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ cao nhất: 32.28%. Tiếp theo chiếm tỷ lệ 6.84% thuộc tỉnh Đồng Nai.

#### 2.4. THỐNG KÊ THEO VÙNG

Thống kê số lượng tân sinh viên làm khảo sát trực tuyến trên hệ thống nhập học trực tuyến của Trường chia theo Vùng, cụ thể như sau:

Stt	Vùng	Số lượng tỉnh	Số lượng tân sinh viên Khóa 2019	Tỷ lệ tân sinh viên (%)
1	Bắc bộ	15	82	2.13%
2	Trung bộ	19	1,279	33.16%
3	Nam bộ	19	2,496	64.71%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>53</b>	<b>3,857</b>	<b>100%</b>



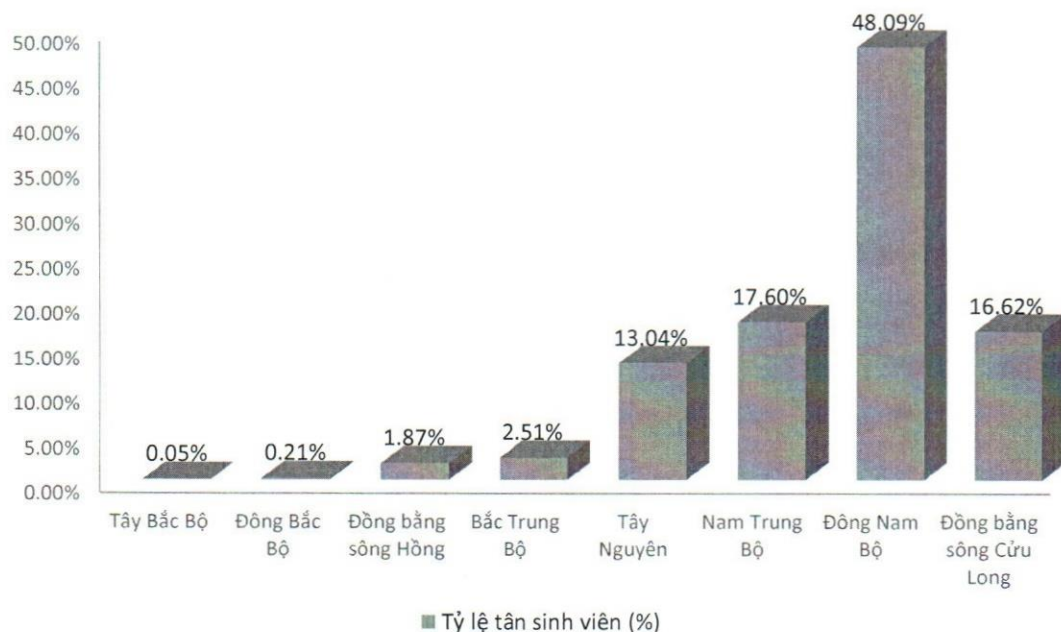
Biểu đồ tỷ lệ tân sinh viên khóa 2019 chia theo Vùng

Tân sinh viên Khóa 2019 của Trường có địa chỉ thường trú tại chia theo Vùng chiếm tỷ lệ cao nhất là Vùng Nam Bộ: 64.71%. Tiếp theo chiếm tỷ lệ 33.16% thuộc Vùng Trung Bộ.

## 2.5. THỐNG KÊ THEO MIỀN

Thống kê số lượng tân sinh viên làm khảo sát trực tuyến trên hệ thống nhập học trực tuyến của Trường chia theo Miền, cụ thể như sau:

Stt	Miền	Số lượng tỉnh	Số lượng tân sinh viên Khóa 2019	Tỷ lệ tân sinh viên (%)
1	Tây Bắc Bộ	1	2	0.05%
2	Đông Bắc Bộ	4	8	0.21%
3	Đồng bằng sông Hồng	10	72	1.87%
4	Bắc Trung Bộ	6	97	2.51%
5	Tây Nguyên	5	503	13.04%
6	Nam Trung Bộ	8	679	17.60%
7	Đông Nam Bộ	6	1,855	48.09%
8	Đồng bằng sông Cửu Long	13	641	16.62%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>53</b>	<b>3,857</b>	<b>100%</b>



Biểu đồ tỷ lệ tân sinh viên khóa 2019 chia theo Miền

Tân sinh viên Khóa 2019 của Trường có địa chỉ thường trú tại chia theo Miền chiếm tỷ lệ cao nhất là Miền Đông Nam Bộ: 48.09%. Tiếp theo chiếm tỷ lệ 17.60% là Miền Nam Trung Bộ, và Đồng bằng sông Cửu Long chiếm tỷ lệ 16.62%.

## 2.6. THỐNG KÊ TỈNH/THÀNH PHỐ KHÔNG CÓ SINH VIÊN

Stt	Tỉnh/TP	Miền	Vùng
1	Tỉnh Hòa Bình	Tây Bắc Bộ	Bắc bộ
2	Tỉnh Sơn La	Tây Bắc Bộ	Bắc bộ
3	Tỉnh Điện Biên	Tây Bắc Bộ	Bắc bộ
4	Tỉnh Lai Châu	Tây Bắc Bộ	Bắc bộ
5	Tỉnh Lào Cai	Tây Bắc Bộ	Bắc bộ
6	Tỉnh Hà Giang	Đông Bắc Bộ	Bắc bộ
7	Tỉnh Tuyên Quang	Đông Bắc Bộ	Bắc bộ
8	Tỉnh Cao Bằng	Đông Bắc Bộ	Bắc bộ
9	Tỉnh Bắc Kạn	Đông Bắc Bộ	Bắc bộ
10	Tỉnh Lạng Sơn	Đông Bắc Bộ	Bắc bộ

## 2.7. PHẦN 1: NGUỒN THÔNG TIN THAM KHẢO

Trả lời câu hỏi: “Bạn biết Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh qua kênh thông tin nào ?”

Mẫu được chọn từ dữ liệu khảo sát tân sinh viên có chọn một hoặc nhiều hơn một câu trả lời trong phần 1: **3857**.

Câu trả lời	Số lượng mẫu	Số lượng tân sinh viên chọn	Tỷ lệ khảo sát năm 2019	Tỷ lệ khảo sát năm 2018	Tỷ lệ khảo sát năm 2017	Tỷ lệ khảo sát năm 2016
Câu 1: Website của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	3857	2242	58.13%	59.52%	63.11%	71.18%
Câu 2: Mạng xã hội Facebook	3857	2150	55.74%	53.57%	51.47%	43.23%
Câu 3: Các bài viết giới thiệu trên báo mạng như Tuổi trẻ online, Thanh niên online, Vnexpress,...	3857	536	13.90%	15.81%	14.41%	24.78%
Câu 4: Các website khác/Google AdWords/trình duyệt Cốc Cốc/...	3857	749	19.42%	19.15%	20.40%	39.09%
Câu 5: Tờ rơi, brochure của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	3857	246	6.38%	5.47%	5.23%	7.00%
Câu 6: Cuốn sách “Sổ tay hướng nghiệp những thông tin cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2019”	3857	407	10.55%	14.49%	12.96%	
Câu 7: Cẩm nang tư vấn tuyển sinh do báo Tuổi trẻ, báo Thanh niên, báo Giáo dục,... phát hành	3857	273	7.08%	10.02%	8.33%	18.10%
Câu 8 và câu 10: Tham dự vào các buổi tư vấn tuyển sinh tại Trường Trung Học Phổ Thông và thầy/cô Trường Trung Học Phổ Thông đã học	3857	1047	27.15%	27.54%	29.24%	40.23%
Câu 9: Tham dự vào các buổi tư vấn tuyển sinh do báo Tuổi trẻ, báo Thanh niên, báo Giáo dục,... tổ chức	3857	147	3.81%	4.58%	2.80%	7.07%
Câu 11: Thông qua các chương trình tư vấn trên báo Tuổi trẻ trực tuyến, Thanh niên trực tuyến, Người lao động trực tuyến	3857	109	2.83%	4.35%	5.27%	
Câu 12: Từ anh/chị sinh viên, bạn bè và người thân cao đẳng – đại học đã/đang học	3857	1432	37.13%	37.70%	29.11%	41.54%
Câu 13: Giới thiệu về Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh trên Đài Truyền hình	3857	171	4.43%	5.87%	3.91%	4.89%
Câu 14: Các sự kiện của nhà trường: nghiên cứu khoa học, ca nhạc, giao lưu, ...	3857	135	3.50%	3.23%	1.78%	2.34%

- Nguồn thông tin tham khảo chủ yếu của tân sinh viên khi chọn Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh:

- + Website của Trường (58.13%)
- + Mạng xã hội Facebook (55.74%)
- + Từ anh/chị sinh viên, bạn bè và người thân cao đẳng – đại học đã/đang học (37.13%)
- + Tham dự vào các buổi tư vấn tuyển sinh tại Trường THPT và thầy/cô THPT đã học (27.15%)
- + Các website khác/Google AdWords/trình duyệt Cốc Cốc/...(19.42%)

- Nguồn thông tin tham khảo rất ít được tân sinh viên tham khảo khi chọn Trường:
  - + Thông qua các chương trình tư vấn trên báo Tuổi trẻ trực tuyến, Thanh niên trực tuyến, Người lao động trực tuyến (2.83%)
  - + Các sự kiện của nhà trường: nghiên cứu khoa học, ca nhạc, giao lưu, ... (3.50%)
  - + Tham dự vào các buổi tư vấn tuyển sinh do báo Tuổi trẻ, báo Thanh niên, báo Giáo dục, ... tổ chức (3.81%)
  - + Giới thiệu về Trường trên Đài Truyền hình (4.43%)
  - + Tờ rơi, brochure của Trường (6.38%)
- Nguồn thông tin tham khảo được tân sinh viên tham khảo có xu hướng tăng so với năm 2018:
  - + Tờ rơi, brochure của Trường từ 5.47% năm 2018 lên 6.38% năm 2019.
  - + Các sự kiện của nhà trường: nghiên cứu khoa học, ca nhạc, giao lưu..., tổ chức từ 3.23% năm 2018 lên 3.50% năm 2019.

## 2.8. PHẦN 2: ĐỐI TƯỢNG THAM KHẢO

**Trả lời câu hỏi: “Khi bạn chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, bạn đã tham khảo đối tượng nào ?”**

Mẫu được chọn từ dữ liệu khảo sát tân sinh viên có chọn một hoặc nhiều hơn một câu trả lời trong phần 2: **3857**.

Câu trả lời	Số lượng mẫu	Số lượng tân sinh viên chọn	Tỷ lệ khảo sát năm 2019	Tỷ lệ khảo sát năm 2018	Tỷ lệ khảo sát năm 2017	Tỷ lệ khảo sát năm 2016
Câu 15: Bản thân tự tìm hiểu	3857	3018	78.25%	78.58%	72.91%	77.67%
Câu 16: Bố, mẹ hoặc anh chị em trong gia đình	3857	1036	26.86%	31.33%	23.85%	41.41%
Câu 17: Thầy/Cô Trường Trung Học Phổ Thông	3857	560	14.52%	15.50%	14.77%	17.42%
Câu 18: Bạn bè	3857	1378	35.73%	35.51%	31.50%	36.71%
Câu 19: Anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học	3857	961	24.92%	28.41%	23.46%	35.02%
Câu 20: Chuyên gia ở chương trình tư vấn tuyển sinh trên truyền hình	3857	102	2.64%	3.59%	2.27%	2.66%
Câu 21: Chuyên gia ở mục tư vấn tuyển sinh trên các báo	3857	96	2.49%	3.45%	3.36%	7.88%
Câu 22: Chuyên viên tư vấn tuyển sinh của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	3857	368	9.54%	9.57%	7.03%	11.89%
Câu 23: Tư vấn trên Tuổi trẻ online, Thanh niên online, ...	3857	144	3.73%	5.59%	6.25%	

- Đối tượng tham khảo chủ yếu của tân sinh viên khi chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh:
  - + Bản thân tự tìm hiểu (78.25%)
  - + Bạn bè (35.73%)
  - + Bố, mẹ hoặc anh chị em trong gia đình (26.86%)
  - + Anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học (24.92%)



- Đối tượng tham khảo rất ít được tân sinh viên tham khảo khi chọn trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh:
- + Chuyên gia ở mục tư vấn tuyển sinh trên các báo (2.49%)
- + Chuyên gia ở chương trình tư vấn tuyển sinh trên truyền hình (2.64%)
- + Tư vấn trên Tuổi trẻ online, Thanh niên online,... (3.73%)
- + Chuyên viên tư vấn tuyển sinh của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (9.54%)

## 2.9. PHẦN 3: LÝ DO CHỌN TRƯỜNG

**Trả lời câu hỏi: “Bạn chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh vì lý do?”**

Mẫu được chọn từ dữ liệu khảo sát tân sinh viên có chọn một hoặc nhiều hơn một câu trả lời trong phần 3: **3857**.

Câu trả lời	Số lượng mẫu	Số lượng tân sinh viên chọn	Tỷ lệ khảo sát năm 2019	Tỷ lệ khảo sát năm 2018	Tỷ lệ khảo sát năm 2017	Tỷ lệ khảo sát năm 2016
Câu 24: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập	3857	2572	66.68%	67.24%	60.40%	75.24%
Câu 25: Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân	3857	2599	67.38%	70.49%	67.41%	69.33%
Câu 26: Mức học phí phù hợp với khả năng của gia đình	3857	1460	37.85%	37.70%	29.79%	51.83%
Câu 27: Chất lượng đào tạo tốt	3857	1490	38.63%	42.48%	36.84%	52.18%
Câu 28: Địa điểm học tập gần nhà	3857	552	14.31%	14.94%	11.17%	20.47%
Câu 29: Thông tin sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh dễ xin việc làm	3857	460	11.93%	14.18%	11.13%	16.04%
Câu 30: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh có đào tạo chuyên ngành phù hợp sở thích bản thân	3857	1282	33.24%	34.70%	37.32%	60.30%
Câu 31: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh có chính sách hỗ trợ học tập và học bổng sinh viên tốt	3857	714	18.51%	20.21%	12.75%	19.54%
Câu 32: Trường có cơ sở vật chất và phòng học tốt	3857	927	24.03%	27.15%	24.18%	33.16%
Câu 33: Trường có nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên	3857	694	17.99%	21.42%	19.23%	
Câu 34: Trường có đi kiến tập, thực tập, tham quan nhiều	3857	614	15.92%	18.47%	14.02%	
Câu 35: Trường đào tạo theo hướng ứng dụng thực tế	3857	717	18.59%			

- Lý do chủ yếu của tân sinh viên khi chọn trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh:
- + Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân (67.38%)

- + Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập (66.68%)
- + Chất lượng đào tạo tốt (38.63%)
- + Mức học phí phù hợp với khả năng của gia đình (37.85%)
- + Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh có đào tạo chuyên ngành phù hợp sở thích bản thân (33.24%)
- + Trường có cơ sở vật chất và phòng học tốt (24.03%)
- Lý do rất ít được tân sinh viên quan tâm khi chọn trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh:
  - + Thông tin sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh để xin việc làm (11.93%)
  - Lý do chọn trường của tân sinh viên có xu hướng tăng so với năm 2018:
    - + Mức học phí phù hợp với khả năng của gia đình từ 37.70% năm 2018 lên 37.85% năm 2019.
    - Lý do chọn trường của tân sinh viên có xu hướng giảm so với năm 2018:
      - + Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh có chính sách hỗ trợ học tập và học bổng sinh viên tốt từ 20.21% năm 2018 xuống 18.51% năm 2019.
      - + Trường có đi kiến tập, thực tập, tham quan nhiều từ 18.47% năm 2018 xuống 15.92% năm 2019.
      - + Trường có nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên từ 21.42% năm 2018 xuống 17.99% năm 2019.

### 3. PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ

#### 3.1. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGUỒN THÔNG TIN THAM KHẢO (PHẦN 1) VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM KHẢO (PHẦN 2)

Mẫu được chọn từ dữ liệu khảo sát tân sinh viên có chọn một hoặc nhiều hơn một câu trả lời trong cả phần 1 và phần 2: **3857**.

Phần 2: Đối tượng tham khảo	Câu 15: Bản thân tự tìm hiểu	Câu 18: Bạn bè	Câu 16: Bố, mẹ hoặc anh chị em trong gia đình	Câu 19: Anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học	
Phần 1: Nguồn thông tin tham khảo	Câu 1: Website của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	1875	853	664	616
		<b>48.61%</b>	<b>22.12%</b>	<b>17.22%</b>	15.97%
Câu 2: Mạng xã hội Facebook	1,818	949	621	624	
		<b>47.14%</b>	<b>24.60%</b>	16.10%	16.18%
Câu 12: Từ anh/chị sinh viên, bạn bè và người thân cao đẳng – đại học đã/đang học	1096	677	541	699	
		<b>28.42%</b>	17.55%	14.03%	<b>18.12%</b>
Câu 8 và câu 10: Tham dự vào các buổi tư vấn tuyển sinh tại Trường Trung Học Phổ Thông và thầy/cô Trường Trung Học Phổ Thông đã học	128	89	61	73	
		<b>3.32%</b>	2.31%	1.58%	1.89%
Câu 4: Các website khác/Google AdWords/trình duyệt Cốc Cốc/...	649	349	248	239	
		16.83%	9.05%	6.43%	6.20%

- Nguồn thông tin tham khảo là Website của Trường và đối tượng tham khảo là Bản thân tự tìm hiểu chiếm tỷ lệ 48.61%.

- Nguồn thông tin tham khảo là Mạng xã hội Facebook và đối tượng tham khảo là Bản thân tự tìm hiểu chiếm tỷ lệ 47.14%.

- Nguồn thông tin tham khảo là Từ anh/chị sinh viên, bạn bè và người thân cao đẳng – đại học đã/đang học và đối tượng tham khảo là Bản thân tự tìm hiểu chiếm tỷ lệ 28.42%.

- Nguồn thông tin tham khảo là Mạng xã hội Facebook và đối tượng tham khảo là Bạn bè chiếm tỷ lệ 24.60%.

- Nguồn thông tin tham khảo là Website của Trường và đối tượng tham khảo là Bạn bè chiếm tỷ lệ 22.12%.

- Nguồn thông tin tham khảo là từ anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học và đối tượng tham khảo là từ anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học chiếm tỷ lệ 18.12%.

- Nguồn thông tin tham khảo là website của Trường và đối tượng tham khảo là Bố, mẹ hoặc anh chị em trong gia đình chiếm tỷ lệ 17.22%.

### 3.2. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGUỒN THÔNG TIN THAM KHẢO (PHẦN 1) VÀ LÝ DO CHỌN TRƯỜNG (PHẦN 3)

Mẫu được chọn từ dữ liệu khảo sát tân sinh viên có chọn một hoặc nhiều hơn một câu trả lời trong cả phần 1 và phần 3: **3857**.

Phần 1: Nguồn thông tin tham khảo	Phần 3: Lý do chọn trường	Câu 25: Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân	Câu 24: Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập	Câu 27: Chất lượng đào tạo tốt	Câu 26: Mức học phí phù hợp với khả năng của gia đình	Câu 31: Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh có chính sách hỗ trợ học tập và học bổng sinh viên tốt	Câu 33: Trường có nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên
Câu 1: Website của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh		1587	1625	1042	941	523	511
		41.15%	42.13%	27.02%	24.40%	13.56%	13.25%
Câu 2: Mạng xã hội Facebook		1589	1584	978	947	508	524
		41.20%	41.07%	25.36%	24.55%	13.17%	13.59%
Câu 12: Từ anh/chị sinh viên, bạn bè và người thân cao đẳng – đại học đã/đang học		1062	1044	696	677	376	376
		27.53%	27.07%	18.05%	17.55%	9.75%	9.75%
Câu 8 và câu 10: Tham dự vào các buổi tư vấn tuyển sinh tại Trường Trung Học Phổ Thông và thầy/cô Trường Trung Học Phổ Thông đã học		125	122	104	108	72	72
		3.24%	3.16%	2.70%	2.80%	1.87%	1.87%
Câu 4: Các website khác/Google AdWords/trình duyệt Cốc Cốc/...		592	570	358	369	235	236
		15.35%	14.78%	9.28%	9.57%	6.09%	6.12%

- Nguồn thông tin tham khảo là Website của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và lý do chọn trường là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập chiếm tỷ lệ 42.13%.

- Nguồn thông tin tham khảo là Mạng xã hội Facebook và lý do chọn Trường là Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân chiếm tỷ lệ 41.20%.
- Nguồn thông tin tham khảo là Website của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và lý do chọn trường là Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân chiếm tỷ lệ 41.15%.
- Nguồn thông tin tham khảo là Mạng xã hội Facebook và lý do chọn trường là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập chiếm tỷ lệ 41.07%.
- Nguồn thông tin tham khảo là từ Anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học và lý do chọn trường là Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân chiếm tỷ lệ 27.53%.
- Nguồn thông tin tham khảo là từ Anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học và lý do chọn trường là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập chiếm tỷ lệ 27.07%.
- Nguồn thông tin tham khảo là Website của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và lý do chọn trường là Chất lượng đào tạo tốt chiếm tỷ lệ 27.02%.
- Nguồn thông tin tham khảo là Mạng xã hội Facebook và lý do chọn trường là Chất lượng đào tạo tốt chiếm tỷ lệ 25.36%.
- Nguồn thông tin tham khảo là: Mạng xã hội Facebook và lý do chọn trường là Mức học phí phù hợp với khả năng của gia đình chiếm tỷ lệ 24.55%.
- Nguồn thông tin tham khảo là Website của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và lý do chọn trường là Mức học phí phù hợp với khả năng của gia đình chiếm tỷ lệ 24.40%.

### 3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỐI TƯỢNG THAM KHẢO (PHẦN 2) VÀ LÝ DO CHỌN TRƯỜNG (PHẦN 3)

Mẫu được chọn từ dữ liệu khảo sát tân sinh viên có chọn một hoặc nhiều hơn một câu trả lời trong cả phần 2 và phần 3: **3857**.

Phân 3: Lý do chọn trường  Phân 2: Đối tượng tham khảo	Câu 25: Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân	Câu 24: Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập	Câu 27: Chất lượng đào tạo tốt	Câu 26: Mức học phí phù hợp với khả năng của gia đình	Câu 31: Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh có chính sách hỗ trợ học tập và học bổng sinh viên tốt	Câu 33: Trường có nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên
Câu 15: Bản thân tự tìm hiểu	2128 55.17%	2103 54.52%	1231 31.92%	1216 31.53%	599 15.53%	598 15.50%
Câu 18: Bạn bè	1057 27.40%	1069 27.72%	631 16.36%	678 17.58%	367 9.52%	363 9.41%
Câu 16: Bố, mẹ hoặc anh chị em trong gia đình	771 19.99%	765 19.83%	501 12.99%	502 13.02%	245 6.35%	252 6.53%
Câu 19: Anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học	738 19.13%	709 18.38%	528 13.69%	463 12.00%	309 8.01%	308 7.99%

- Đối tượng tham khảo là Bản thân tự tìm hiểu và lý do chọn trường là Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân chiếm tỷ lệ 55.17%.
- Đối tượng tham khảo là Bản thân tự tìm hiểu và lý do chọn trường là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập chiếm tỷ lệ 54.52%.
- Đối tượng tham khảo là Bản thân tự tìm hiểu và lý do chọn trường là Chất lượng đào tạo tốt chiếm tỷ lệ 31.92%
- Đối tượng tham khảo là Bản thân tự tìm hiểu và lý do chọn trường là Mức học phí phù hợp với khả năng của gia đình chiếm tỷ lệ 31.53%
- Đối tượng tham khảo là Bạn bè và lý do chọn Trường là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập chiếm tỷ lệ 27.72%.
- Đối tượng tham khảo là Bạn bè và lý do chọn trường là Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân chiếm tỷ lệ 27.40%.
- Đối tượng tham khảo là Bố, mẹ hoặc anh chị em trong gia đình và lý do chọn trường là Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân chiếm tỷ lệ 19.99%.
- Đối tượng tham khảo là Bố, mẹ hoặc anh chị em trong gia đình và lý do chọn trường là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập chiếm tỷ lệ 19.83%.
- Đối tượng tham khảo là Anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học và lý do chọn trường là Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân chiếm tỷ lệ 19.13%.
- Đối tượng tham khảo là Anh/chị sinh viên cao đẳng – đại học đã/đang học và lý do chọn trường là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học Công lập chiếm tỷ lệ 18.38%.

#### 4. KẾT LUẬN KHẢO SÁT

- Sinh viên khóa 2019 học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ cao nhất: TP. Hồ Chí Minh (32.28%) và Tỉnh Đồng Nai (6.84%).
- Vùng Nam Bộ chiếm tỷ lệ cao nhất cả nước (64.71%).
- Miền chiếm tỷ lệ cao Đông Nam Bộ (48.09%), Nam Trung Bộ (17.60%) và Đồng bằng Sông Cửu long (16.62%), Tây Nguyên (13.04%).
- Nguồn thông tin tham khảo chủ yếu của tân sinh viên khóa 2019: Website Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (58.13%) và mạng xã hội Facebook (55.74%).
- Đối tượng tham khảo chủ yếu của sinh viên chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là bản thân tự tìm hiểu (78.25%) và bạn bè giới thiệu vào Trường (35.73%).
- Lý do chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh là Mức điểm tuyển sinh phù hợp với năng lực bản thân (67.38%) và Trường công lập (66.68%).

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLĐT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Phan Thị Thu Phương**